LUẬT BƯU CHÍNH (SỬA ĐỔI)

Dự thảo
15.9.2026

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động bưu chính; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động bưu chính; quản lý nhà nước về hoạt động bưu chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động bưu chính tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động bưu chính* gồm các hoạt động đầu tư, quản lý, vận hành, khai thác mạng bưu chính; hoạt động kinh doanh, cung cấp, sử dụng dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích; hoạt động về tem bưu chính.

2. *Bưu gửi* bao gồm thư, gói, kiện hàng hóa được chấp nhận, chia chọn, vận chuyển và phát tới địa chỉ người nhận hoặc địa điểm nhận theo thỏa thuận, trong đó mỗi bưu gửi được định danh riêng và có khả năng theo dõi, truy vết trong suốt quá trình cung cấp dịch vụ.

3. *Dịch vụ bưu chính* là dịch vụ bao gồm chấp nhận, chia chọn, vận chuyển, phát bưu gửi và có thể gồm các công đoạn khác liên quan trực tiếp đến từng bưu gửi trong quá trình cung cấp dịch vụ: lưu kho, xử lý đơn hàng, đóng gói, hoàn trả bưu gửi được tổ chức và vận hành trên mạng bưu chính.

4. *Dịch vụ bưu chính công ích* là dịch vụ bưu chính do Nhà nước tổ chức cung cấp nhằm bảo đảm lợi ích công cộng, phục vụ nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước và quyền tiếp cận dịch vụ bưu chính của tổ chức, cá nhân.

5. *Dịch vụ bưu chính phổ cập* là dịch vụ bưu chính được cung cấp thường xuyên trên phạm vi toàn quốc theo các điều kiện về khối lượng, chất lượng và giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định nhằm bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ bưu chính của mọi tổ chức, cá nhân.

6. *Dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (sau đây gọi là dịch vụ bưu chính KT1)* là dịch vụ bao gồm chấp nhận, chia chọn, vận chuyển và phát thư, gói, kiện tài liệu của cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

7. *Phạm vi dịch vụ bưu chính dành riêng* là phạm vi dịch vụ bưu chính do Nhà nước quy định và chỉ do doanh nghiệp bưu chính được chỉ định cung cấp, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế trong lĩnh vực bưu chính.

8. *Thư* là thông tin trao đổi dưới dạng văn bản viết tay hoặc bản in, có địa chỉ người nhận hoặc không có địa chỉ người nhận, trừ ấn phẩm định kỳ, sách, báo, tạp chí.

9. *Gói, kiện hàng hóa* là hàng hóa được đóng gói, có thông tin về người gửi và người nhận.

10. *Mạng bưu chính* là hệ thống các thành phần được thiết lập để tổ chức, kết nối và điều phối việc cung cấp dịch vụ bưu chính thông suốt, liên tục, theo tần suất phục vụ định kỳ, bảo đảm khả năng cung cấp dịch vụ đến từng địa chỉ.

11. *Mạng bưu chính công cộng* là mạng bưu chính được Nhà nước giao cho doanh nghiệp bưu chính được chỉ định đầu tư, quản lý, vận hành và khai thác để cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập.

12. *Bưu chính số* là hoạt động bưu chính được tổ chức, quản lý và vận hành trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, dữ liệu bưu chính và hệ thống thông tin nhằm thực hiện việc định danh, theo dõi, kết nối và quản lý toàn bộ quá trình cung cấp dịch vụ bưu chính.

13. *Điểm phục vụ bưu chính* là địa điểm hoặc hệ thống thiết bị do doanh nghiệp bưu chính thiết lập để thực hiện việc chấp nhận, phát bưu gửi, bao gồm: điểm phục vụ có người phục vụ và điểm phục vụ không có người phục vụ.

14. *Điểm phục vụ bưu chính không có người phục vụ* là điểm phục vụ bưu chính được thiết lập dưới dạng hệ thống thiết bị không có sự phục vụ trực tiếp của nhân viên, cho phép người sử dụng dịch vụ tự thực hiện việc gửi hoặc nhận bưu gửi.

15. *Thời gian toàn trình của bưu gửi* là khoảng thời gian tính từ khi bưu gửi được chấp nhận cho đến khi được phát lần đầu đến địa chỉ nhận.

16. *Người sử dụng dịch vụ bưu chính* là tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ bưu chính, bao gồm người gửi và người nhận.

17. *Người gửi* là tổ chức, cá nhân có tên tại phần ghi thông tin về người gửi trên bưu gửi, trên hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính.

18. *Người nhận* là tổ chức, cá nhân có tên tại phần ghi thông tin về người nhận trên bưu gửi, trên hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính.

19. *Doanh nghiệp bưu chính* là doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam để cung cấp dịch vụ bưu chính theo quy định của Luật này, bao gồm: doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính và doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính.

20. *Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định (còn được gọi là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính công ích)* là doanh nghiệp bưu chính được Nhà nước giao đầu tư, quản lý, vận hành và khai thác mạng bưu chính công cộng để cung cấp dịch vụ bưu chính công ích và thực hiện các quyền, nghĩa vụ trong khuôn khổ điều ước quốc tế về bưu chính mà Việt Nam là thành viên.

21. *Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong hoạt động bưu chính* là việc cho phép tổ chức, doanh nghiệp thử nghiệm ứng dụng công nghệ, triển khai dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong cung cấp dịch vụ bưu chính, có giới hạn về phạm vi, không gian, thời gian thực hiện và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

22. *Tem bưu chính Việt Nam* là ấn phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính của Việt Nam quyết định phát hành để thanh toán trước giá dịch vụ bưu chính trên mạng bưu chính công cộng và được công nhận trong mạng lưới của Liên minh Bưu chính Thế giới.

23. *Bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động bưu chính* là tổng hợp các biện pháp, quy định và quy trình được thiết lập nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các nguy cơ, hành vi gây mất an toàn, an ninh đối với mạng bưu chính, bưu gửi, thông tin người sử dụng dịch vụ bưu chính và cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động bưu chính; phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi lợi dụng hoạt động bưu chính để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về bưu chính

1. Phát triển bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của quốc gia, giữ vai trò kết nối thông tin và lưu thông hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân. Phát triển mạng bưu chính trở thành một cấu phần không thể tách rời của hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm mọi tổ chức, cá nhân được tiếp cận và sử dụng dịch vụ bưu chính phổ cập một cách bình đẳng, liên tục, ổn định, với chất lượng và giá dịch vụ hợp lý; bảo đảm hệ thống điểm phục vụ bưu chính phủ đến cấp xã, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

3. Nhà nước bảo đảm cơ chế tài chính, nguồn lực từ ngân sách nhà nước để đầu tư, phát triển, duy trì mạng bưu chính công cộng và cung cấp dịch vụ bưu chính công ích. Nguồn kinh phí từ nguồn chi các hoạt động kinh tế theo pháp luật về ngân sách Nhà nước.

4. Xây dựng và hoàn thiện môi trường cạnh tranh lành mạnh, minh bạch, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển thị trường bưu chính, thúc đẩy thương mại điện tử và kinh tế số.

5. Đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ, dữ liệu và chuyển đổi số trong hoạt động bưu chính, phát triển bưu chính số hiệu quả, an toàn và minh bạch; phát triển bưu chính số phải dựa trên dữ liệu và công nghệ số; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu phục vụ hoạt động bưu chính; bảo vệ dữ liệu, dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

6. Khuyến khích doanh nghiệp bưu chính đầu tư, phát triển và nâng cao năng lực vận hành mạng bưu chính; mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

7. Tăng cường hội nhập quốc tế, mở rộng hợp tác và nâng cao năng lực thực thi các cam kết quốc tế trong lĩnh vực bưu chính.

8. Phát triển bưu chính theo hướng xanh, bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đã được công bố.

9. Ưu tiên, hỗ trợ phát triển mạng bưu chính đồng bộ, hiện đại, nâng cao năng lực ứng phó trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, tình trang khẩn cấp và các trường hợp cần thiết khác; có chính sách khuyến khích phát triển các điểm phục vụ đa năng trên mạng bưu chính công cộng thông qua kết hợp cung cấp dịch vụ bưu chính với dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo theo quy định của pháp luật.

10. Nhà nước khuyến khích, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng và không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp bưu chính; có chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng đóng vai trò định hướng, thúc đẩy thị trường.

Điều 5. Đặc trưng của dịch vụ bưu chính

1. Dịch vụ bưu chính được cung cấp trên cơ sở mạng bưu chính với khả năng cung cấp dịch vụ liên tục và theo cam kết về chất lượng dịch vụ.

2. Trong quá trình cung cấp dịch vụ bưu chính, bưu gửi được xử lý riêng lẻ, có định danh, bảo đảm khả năng theo dõi, ngoại trừ các trường hợp không thực hiện định danh bưu gửi quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật này.

3. Việc phát bưu gửi được thực hiện đến người nhận theo địa chỉ người nhận hoặc địa điểm nhận theo thỏa thuận.

4. Các hoạt động vận tải hàng hóa, kho bãi và các hoạt động logistics độc lập khác và các dịch vụ không có các đặc trưng quy định tại khoản 1 đến khoản 3 Điều này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động bưu chính

1. Bảo đảm việc cung cấp dịch vụ bưu chính công ích liên tục, ổn định, an toàn; đáp ứng nhu cầu phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính phổ cập của tổ chức, cá nhân; bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ bưu chính phổ cập với giá và chất lượng hợp lý, không phân biệt đối xử.

2. Bảo đảm bí mật thư theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm nguyên tắc hoạt động bưu chính gắn liền với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

4. Bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động bưu chính được thực hiện xuyên suốt trong toàn bộ quá trình cung cấp dịch vụ, áp dụng theo mức độ rủi ro bưu gửi, không làm phát sinh nghĩa vụ hoặc chi phí không cần thiết cho doanh nghiệp; việc kiểm tra, xử lý bưu gửi và yêu cầu cung cấp thông tin phải đúng thẩm quyền, mục đích và phạm vi cần thiết.

5. Tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham

gia hoạt động bưu chính.

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hoạt động bưu chính trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, tình trạng khẩn cấp và các trường hợp cần thiết khác

1. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, tình trạng khẩn cấp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện điều phối, huy động doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng nhằm bảo đảm việc cung cấp và lưu thông thư, gói, kiện hàng hóa thiết yếu được thông suốt, kịp thời; việc huy động mạng bưu chính trong phạm vi, thời hạn cần thiết, phù hợp với năng lực thực hiện của doanh nghiệp; bảo đảm công khai, minh bạch. Việc huy động, điều động, trưng dụng trong tình trạng khẩn cấp, quốc phòng, an ninh được thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp, pháp luật về phòng thủ dân sự và pháp luật có liên quan.

2. Doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng được huy động theo quy định tại khoản 1 Điều này được bù đắp chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

3. Việc huy động và bù đắp chi phí được thực hiện trên cơ sở:

a) Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật;

b) Phạm vi, khối lượng công việc được xác định, xác nhận và thanh toán theo quy định của pháp luật;

c) Nguyên tắc công khai, minh bạch.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực hiện, xác nhận khối lượng công việc và bảo đảm thanh toán kịp thời chi phí quy định tại khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 8. Các hành vi bị cấm trong hoạt động bưu chính

1. Lợi dụng hoạt động bưu chính để thực hiện các hành vi xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa theo quy định của Bộ luật Hình sự.

2. Gửi, chấp nhận, vận chuyển hoặc phát bưu gửi chứa hàng hóa, vật phẩm bị cấm theo quy định của pháp luật.

3. Chiếm đoạt, trộm cắp, chiếm giữ trái phép, tráo đổi nội dung bưu gửi.

4. Xâm phạm bí mật, an toàn thông tin trong hoạt động bưu chính.

5. Bóc mở, kiểm tra, huỷ, làm hư hỏng bưu gửi trái pháp luật.

6. Vi phạm về tem bưu chính quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật này.

7. Xâm nhập, khai thác trái phép hệ thống thông tin và dữ liệu bưu chính.

8. Xâm hại công trình, điểm phục vụ, thiết bị, hệ thống thông tin thuộc mạng bưu chính; cản trở hoạt động bưu chính hợp pháp.

Điều 9. Thành phần mạng bưu chính

1. Mạng bưu chính được cấu thành từ các thành phần phục vụ việc chấp nhận, chia chọn, vận chuyển, phát bưu gửi và quản lý thông tin liên quan, bao gồm các thành phần sau đây:

a) Hệ thống điểm phục vụ;

b) Hệ thống vận chuyển bưu gửi;

c) Hệ thống khai thác và chia chọn bưu gửi;

d) Điểm trung chuyển, kho và cơ sở lưu giữ bưu gửi;

đ) Hệ thống thông tin vận hành mạng bưu chính;

e) Các thành phần khác liên quan trực tiếp đến cung cấp dịch vụ bưu chính.

2. Doanh nghiệp bưu chính có thể sở hữu, thuê, hợp tác để thiết lập và vận hành một, một số hoặc toàn bộ các thành phần mạng bưu chính quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Mã bưu chính quốc gia

1. Mã bưu chính quốc gia là tập hợp các ký tự do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính ban hành, được sử dụng thống nhất để phục vụ hoạt động bưu chính và các hoạt động có liên quan.

2. Mã bưu chính quốc gia được xây dựng và quản lý theo các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm tính khoa học, ổn định, không trùng lặp;

b) Phù hợp với phân bố dân cư, điều kiện kinh tế – xã hội và tổ chức lãnh thổ;

c) Bảo đảm khả năng áp dụng trong hoạt động bưu chính và các hoạt động có liên quan;

d) Phù hợp với hướng dẫn của Liên minh Bưu chính Thế giới và thông lệ quốc tế.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính có trách nhiệm ban hành, công bố, cập nhật và quản lý mã bưu chính quốc gia.

4. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động bưu chính được khuyến khích sử dụng mã bưu chính quốc gia khi áp dụng hệ thống khai thác và chia chọn bưu gửi.

Chương II
KINH DOANH DỊCH VỤ BƯU CHÍNH

Mục I
ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ BƯU CHÍNH

Điều 11. Doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính

1. Doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính là doanh nghiệp trực tiếp tổ chức, điều phối hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính thông qua việc quản lý, vận hành và kiểm soát đồng thời các thành phần cốt lõi của mạng bưu chính gồm hệ thống khai thác và chia chọn bưu gửi; hệ thống điểm phục vụ; hệ thống thông tin vận hành mạng bưu chính theo quy định tại Điều 9 Luật này.

2. Việc xác định doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính không phụ thuộc vào hình thức sở hữu các thành phần của mạng bưu chính.

3. Doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính chịu trách nhiệm đối với việc cung cấp dịch vụ bưu chính trên mạng do doanh nghiệp tự tổ chức, khai thác, kể cả trong trường hợp thuê, hợp tác hoặc sử dụng thành phần của mạng bưu chính do tổ chức, cá nhân khác cung cấp.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính

1. Doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính là doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại Điều 11 của Luật này.

2. Doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính chịu trách nhiệm đối với việc cung cấp dịch vụ bưu chính do doanh nghiệp thực hiện, kể cả trong trường hợp thuê, hợp tác hoặc sử dụng thành phần của mạng bưu chính do tổ chức, cá nhân khác cung cấp.

Điều 13. Điều kiện kinh doanh dịch vụ bưu chính

1. Doanh nghiệp bưu chính phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có đăng ký doanh nghiệp về ngành nghề kinh doanh bưu chính theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

b) Có biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh trong cung cấp dịch vụ bưu chính;

c) Có biện pháp quản lý chất lượng dịch vụ theo công bố của doanh nghiệp bưu chính.

2. Doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đáp ứng tiêu chí về doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật này.

3. Doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Có thỏa thuận sử dụng mạng bưu chính với doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính hoặc thỏa thuận sử dụng một hoặc nhiều thành phần mạng bưu chính của doanh nghiệp khác đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật này trong trường hợp hợp tác với doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính để cung cấp dịch vụ.

4. Chính phủ quy định chi tiết các điểm b, c khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 14. Đăng ký cung cấp dịch vụ bưu chính

1. Doanh nghiệp bưu chính có trách nhiệm đăng ký trực tuyến với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính trước khi cung cấp dịch vụ.

2. Nội dung đăng ký bao gồm:

a) Thông tin doanh nghiệp;

b) Loại doanh nghiệp bưu chính (doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng hoặc doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng);

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ (nội tỉnh, liên tỉnh, quốc tế);

d) Biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh trong cung cấp dịch vụ;

đ) Biện pháp quản lý chất lượng dịch vụ theo công bố của doanh nghiệp bưu chính.

3. Trong thời hạn theo quy định của Chính phủ, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện xác nhận đăng ký. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ bưu chính theo quy định, không thẩm định nội dung hồ sơ.

Doanh nghiệp bưu chính chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ đăng ký và việc đáp ứng điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật trong suốt quá trình hoạt động. Việc đáp ứng điều kiện kinh doanh được thực hiện thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát theo quy định của Luật này.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính chỉ được từ chối xác nhận đăng ký trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định của Luật này và phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do từ chối.

5. Chính phủ quy định chi tiết về nội dung đăng ký, thời hạn xác nhận đăng ký, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký, thay đổi đăng ký, cập nhật đăng ký, hủy bỏ hiệu lực đăng ký cung cấp dịch vụ bưu chính và quản lý thông tin đăng ký cung cấp dịch vụ bưu chính.

Điều 15. Quản lý và công khai thông tin đăng ký

1. Doanh nghiệp bưu chính có trách nhiệm thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính khi có thay đổi nội dung, thông tin đã đăng ký theo quy định của Chính phủ.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính có trách nhiệm cập nhật, quản lý, công khai và hủy bỏ thông tin đăng ký cung cấp dịch vụ bưu chính trên Cổng thông tin điện tử do mình quản lý, kết nối với cơ sở dữ liệu về bưu chính theo quy định của Chính phủ, trừ thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung đăng ký được cập nhật là căn cứ để xác định phạm vi cung cấp dịch vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp bưu chính.

Điều 16. Hoạt động đại lý, đại diện trong lĩnh vực bưu chính

1. Doanh nghiệp làm đại lý, đại diện cho doanh nghiệp bưu chính nước ngoài phải thực hiện đăng ký cung cấp dịch vụ bưu chính theo quy định của Luật này.

2. Việc thực hiện các hoạt động làm đại lý, đại diện tại khoản 1 Điều này tuân thủ các quy định của Luật này và pháp luật thương mại.

MỤC II
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ BƯU CHÍNH

Điều 17. Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính

1. Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính là thỏa thuận giữa doanh nghiệp bưu chính và tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ bưu chính về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính.

2. Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và phải có những nội dung chính sau:

a) Loại hình dịch vụ bưu chính;

b) Khối lượng, số lượng bưu gửi;

c) Thời gian chấp nhận và thời gian phát bưu gửi;

d) Chất lượng dịch vụ bưu chính;

đ) Giá dịch vụ bưu chính;

e) Trách nhiệm và mức bồi thường khi có vi phạm hợp đồng.

Điều 18. Chấp nhận bưu gửi

1. Bưu gửi được coi là đã được chấp nhận khi doanh nghiệp bưu chính hoặc tổ chức, cá nhân được doanh nghiệp bưu chính ủy quyền chấp nhận bưu gửi từ người gửi và xác nhận việc chấp nhận theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ.

2. Việc chấp nhận bưu gửi có thể được thực hiện tại một trong các địa điểm sau:

a) Tại điểm phục vụ bưu chính;

b) Tại địa chỉ người gửi hoặc địa chỉ theo yêu cầu của người gửi.

3. Việc xác nhận chấp nhận bưu gửi được thực hiện bằng chứng từ giấy hoặc chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật.

4. Từ thời điểm chấp nhận, doanh nghiệp bưu chính chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn, toàn vẹn bưu gửi và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật này và pháp luật dân sự.

Điều 19. Vật phẩm, hàng hóa không được gửi qua mạng bưu chính

1. Vật phẩm, hàng hóa bị cấm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Vật phẩm, hàng hóa không đáp ứng quy định của pháp luật về xuất khẩu, nhập khẩu hoặc quy định của nước nhận.

Điều 20. Phát bưu gửi

1. Việc phát bưu gửi được thực hiện tại địa chỉ của người nhận, tại điểm phục vụ bưu chính hoặc thông qua phương thức khác phù hợp với mô hình cung cấp dịch vụ.

2. Bưu gửi được coi là đã phát thành công khi được giao cho người nhận theo thỏa thuận, người được người nhận ủy quyền hoặc theo thỏa thuận với người sử dụng dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm người nhận có thể tiếp nhận và kiểm soát bưu gửi.

3. Việc xác nhận phát bưu gửi được thể hiện bằng chứng từ giấy hoặc chứng từ điện tử hoặc hình thức khác theo thỏa thuận.

4. Từ thời điểm phát bưu gửi thành công, trách nhiệm đối với bưu gửi được chuyển từ doanh nghiệp bưu chính sang người nhận, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc các bên có thỏa thuận khác.

5. Trường hợp không phát được bưu gửi quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật này, doanh nghiệp bưu chính có trách nhiệm lưu giữ, hoàn trả hoặc xử lý bưu gửi theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận tại hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ.

Điều 21. Thủ tục hải quan đối với bưu gửi xuất khẩu, nhập khẩu

1. Việc xuất khẩu, nhập khẩu bưu gửi được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật hải quan.

2. Doanh nghiệp bưu chính cung cấp dịch vụ quốc tế được thay mặt người sử dụng dịch vụ bưu chính thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu bưu gửi theo quy định của pháp luật hải quan.

Điều 22. Quyền xử lý, thay đổi, rút lại và chuyển tiếp bưu gửi

1. Trước thời điểm phát thành công theo quy định của Luật này, bưu gửi thuộc quyền xử lý của người gửi (bao gồm cả bưu gửi xuất khẩu và nhập khẩu), trừ trường hợp bị thu giữ hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Người gửi có quyền yêu cầu thay đổi họ tên, địa chỉ nhận hoặc rút lại bưu gửi trước thời điểm quy định tại khoản 1 Điều này khi có căn cứ xác nhận theo chứng từ hoặc dữ liệu điện tử; việc thực hiện được tiến hành trong phạm vi khả năng thực hiện của doanh nghiệp bưu chính. Người gửi phải thanh toán chi phí phát sinh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

3. Trước thời điểm phát thành công, người gửi hoặc người nhận theo thỏa thuận giữa người gửi và doanh nghiệp bưu chính có quyền yêu cầu chuyển tiếp bưu gửi đến địa chỉ khác. Việc chuyển tiếp được thực hiện trong phạm vi khả năng cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bưu chính. Người yêu cầu phải thanh toán chi phí phát sinh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Điều 23. Bưu gửi không phát được, không hoàn trả được và không có người nhận

1. Bưu gửi được coi là không phát được khi không thể thực hiện việc phát thành công theo quy định tại Điều 20 của Luật này sau khi doanh nghiệp bưu chính đã thực hiện các biện pháp phát theo quy định, bao gồm một trong các trường hợp sau:

a) Không có địa chỉ nhận hoặc địa chỉ nhận không đầy đủ, không đúng;

b) Không tìm được người nhận tại địa chỉ đã ghi;

c) Người nhận thay đổi địa chỉ mà không để lại địa chỉ mới;

d) Người nhận từ chối nhận;

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Bưu gửi được coi là không hoàn trả được cho người gửi sau khi doanh nghiệp bưu chính đã thực hiện các biện pháp phát theo quy định, bao gồm các trường hợp sau đây:

a) Không có địa chỉ gửi hoặc địa chỉ gửi không đầy đủ, không đúng;

b) Không tìm được người gửi tại địa chỉ đã ghi;

c) Người gửi thay đổi địa chỉ mà không để lại địa chỉ mới;

d) Người gửi từ chối nhận lại;

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Bưu gửi được coi là không có người nhận khi đã được xác định là không phát được theo quy định tại khoản 1 và không hoàn trả được theo quy định tại khoản 2 Điều này, sau thời hạn 01 tháng kể từ thời điểm xác định không phát được và không hoàn trả được. Thời hạn này không áp dụng đối với trường hợp người nhận từ chối nhận và người gửi từ chối nhận lại.

4. Việc xử lý bưu gửi quy định tại Điều này được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

5. Chính phủ quy định chi tiết về xử lý bưu gửi không có người nhận.

Chương III
HOẠT ĐỘNG BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH

Điều 24. Mạng bưu chính công cộng

1. Mạng bưu chính công cộng được xây dựng và phát triển phù hợp với yêu cầu cung cấp dịch vụ bưu chính công ích; bảo đảm người dân được tiếp cận và sử dụng dịch vụ bưu chính phổ cập thuận tiện trên phạm vi toàn quốc.

2. Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, thành phố đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bố trí quỹ đất cho các công trình xây dựng thuộc mạng bưu chính công cộng để phục vụ cho việc cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính công ích.

3. Nhà nước hỗ trợ, đầu tư, phát triển, duy trì mạng bưu chính công cộng thông qua doanh nghiệp bưu chính được chỉ định theo các hình thức sau:

a) Thông qua phạm vi dịch vụ bưu chính dành riêng thuộc dịch vụ bưu chính phổ cập;

b) Đầu tư, bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp;

c) Các hình thức hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

Điều 25. Mạng và dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước

1. Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước tại trung ương là mạng bưu chính dùng riêng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc ở trung ương.

2. Mạng bưu chính quy định tại khoản 1 Điều này được Nhà nước bảo đảm các điều kiện cơ chế, chính sách về nhân lực, tài chính, phương tiện, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện cần thiết khác phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động nhằm bảo đảm tính liên tục, an toàn, an ninh, thông suốt, ưu tiên và kịp thời trong quá trình phục vụ.

3. Dịch vụ bưu chính KT1 được cung cấp thông qua mạng bưu chính quy định tại khoản 1 Điều này và mạng bưu chính công cộng

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 26. Điểm phục vụ đa năng trên mạng bưu chính công cộng

1. Điểm phục vụ đa năng là điểm phục vụ thuộc mạng bưu chính công cộng được tổ chức để phục vụ nhu cầu tiếp cận dịch vụ bưu chính, dịch vụ công và dịch vụ số của người dân và tổ chức.

2. Điểm phục vụ đa năng thực hiện cung cấp dịch vụ bưu chính công ích và một hoặc một số chức năng sau:

a) Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến theo quy định của pháp luật chuyên ngành về thực hiện thủ tục hành chính;

b) Hỗ trợ người dân tiếp cận thương mại điện tử;

c) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc tổ chức và hoạt động của điểm phục vụ đa năng phải bảo đảm:

a) Chất lượng, an toàn, an ninh trong cung cấp dịch vụ;

b) Công khai danh mục dịch vụ, thời gian phục vụ và giá dịch vụ theo quy định của pháp luật;

c) Không làm ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ bưu chính công ích và bảo đảm cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Điều 27. Dịch vụ bưu chính công ích

1. Dịch vụ bưu chính công ích bao gồm:

a) Dịch vụ bưu chính phổ cập gồm dịch vụ thư và dịch vụ gói, kiện hàng hóa được cung cấp trên phạm vi toàn quốc theo khối lượng, chất lượng và giá theo quy định của pháp luật;

b) Dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, gửi hồ sơ tài liệu của cơ quan nhà nước qua mạng bưu chính công cộng;

c) Dịch vụ bưu chính KT1 qua mạng bưu chính công cộng;

d) Dịch vụ phát hành báo, tạp chí qua mạng bưu chính công cộng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Các nhiệm vụ đặc thù khác do Nhà nước quy định.

2. Giá dịch vụ bưu chính công ích quy định tại khoản 1 Điều này do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về giá, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Nhà nước thực hiện chính sách bảo đảm cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập cho mọi cá nhân, tổ chức trên phạm vi toàn quốc, thông qua cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính được chỉ định để duy trì mạng bưu chính công cộng và cung cấp dịch vụ bưu chính công ích, theo nguyên tắc ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nhân công tại các điểm phục vụ phù hợp với quy mô tối thiểu của mạng bưu chính công cộng, đáp ứng yêu cầu chất lượng cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính ở trung ương quy định mức thu đối với việc sử dụng dịch vụ bưu chính phổ cập quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Mức thu được áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc đối với cùng

một loại dịch vụ và không cao hơn giá bình quân trên thị trường của dịch vụ bưu chính thương mại tương đương.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Nội dung chi ngân sách nhà nước cho hoạt động bưu chính

1. Ngân sách nhà nước cho hoạt động bưu chính được sử dụng cho nội dung sau đây:

a) Chi đầu tư phát triển, bao gồm:

- Chi cấp vốn điều lệ, bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp bưu chính được chỉ định theo quy định của pháp luật về đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Chi đầu tư phương tiện, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật của mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước tại trung ương;

b) Chi thường xuyên:

- Chi hỗ trợ duy trì mạng bưu chính công cộng và cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập thông qua doanh nghiệp bưu chính được chỉ định;

- Chi mua sắm phương tiện, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, duy trì mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước tại trung ương;

- Chi thuê, mua dịch vụ gửi hồ sơ, tài liệu của cơ quan, đơn vị qua mạng bưu chính công cộng;

- Chi thuê, mua dịch vụ bưu chính KT1 qua mạng bưu chính công cộng;

- Chi thuê, mua dịch vụ phát hành báo, tạp chí qua mạng bưu chính công cộng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- Chi hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bưu chính;

- Nội dung chi khác.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 29. Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định

1. Thủ tướng Chính phủ chỉ định doanh nghiệp bưu chính đầu tư, quản lý, vận hành, khai thác mạng bưu chính công cộng để cung cấp dịch vụ bưu chính công ích và thực hiện các quyền, nghĩa vụ trong khuôn khổ điều ước quốc tế về bưu chính mà Việt Nam là thành viên.

2. Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm cung cấp dịch vụ bưu chính công ích trên phạm vi toàn quốc và thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Tem bưu chính Việt Nam

1. Tem bưu chính Việt Nam được phát hành để thanh toán trước giá dịch vụ bưu chính trên mạng bưu chính công cộng và được công nhận trong mạng lưới của Liên minh Bưu chính Thế giới.

2. Việc phát hành, sử dụng, kinh doanh, sưu tập, lưu trữ và quản lý tem bưu chính Việt Nam phải bảo đảm tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; phù hợp với lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo đảm ý nghĩa chính trị, tính chính xác về lịch sử, văn hóa, khoa học và chủ quyền quốc gia.

3. Tổ chức, cá nhân không được sản xuất, phát hành, kinh doanh, trao đổi, trưng bày, tuyên truyền: tem bưu chính giả; tem bưu chính được in, phát hành trái phép hoặc không đúng quy định của pháp luật; tem bưu chính đã có quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tem bưu chính có nội dung, hình ảnh vi phạm chủ quyền quốc gia, gây tranh chấp về lãnh thổ, biển đảo; kích động bạo lực, hận thù dân tộc, sắc tộc, tôn giáo; chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trái đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa Việt Nam.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương IV
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP BƯU CHÍNH, NGƯỜI SỬ DỤNG DỊCH VỤ BƯU CHÍNH

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ chung của doanh nghiệp bưu chính

1. Quyền của doanh nghiệp bưu chính

a) Cung cấp dịch vụ bưu chính theo quy định của pháp luật;

b) Từ chối cung cấp dịch vụ bưu chính đối với bưu gửi vi phạm quy định tại Điều 8 của Luật này hoặc không đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật và của doanh nghiệp bưu chính;

c) Yêu cầu người gửi mở, cung cấp thông tin hoặc đồng kiểm nội dung gói, kiện hàng hóa trước khi chấp nhận bưu gửi khi có căn cứ xác định hoặc nghi ngờ bưu gửi chứa vật phẩm, hàng hóa không được gửi qua mạng bưu chính hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

d) Tạm dừng cung cấp dịch vụ khi có các căn cứ xác định bưu gửi là gói, kiện hàng hóa có dấu hiệu vi phạm pháp luật để kiểm tra, xác minh theo quy định của pháp luật và thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

đ) Hưởng thù lao, chi phí hợp lý khi thay mặt người sử dụng dịch vụ bưu chính thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu bưu gửi quốc tế theo quy định của pháp luật về hải quan và pháp luật có liên quan;

e) Được thu hộ tiền bán hàng theo thỏa thuận với khách hàng theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật về thương mại.

2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp bưu chính

a) Niêm yết công khai tại điểm phục vụ danh mục vật phẩm, hàng hóa không được gửi qua mạng bưu chính theo quy định tại Điều 19 của Luật này và các điều kiện cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp;

b) Quyết định, công bố chất lượng và niêm yết giá dịch vụ bưu chính cho người sử dụng dịch vụ; bảo đảm thực hiện theo đúng nội dung đã niêm yết về giá và chất lượng dịch vụ;

c) Xây dựng và thực hiện các biện pháp quản lý, kiểm soát rủi ro phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động để phát hiện, ngăn chặn việc lợi dụng mạng bưu chính nhằm gửi, vận chuyển hoặc phát vật phẩm, hàng hóa vi phạm pháp luật;

d) Thu thập, xác thực thông tin của người gửi trực tiếp theo mức độ rủi ro của bưu gửi khi thực hiện thủ tục chấp nhận quy định tại Điều 44 Luật này; lưu giữ thông tin người sử dụng dịch vụ bưu chính, thông tin bưu gửi, thời gian, địa điểm chấp nhận và các dữ liệu liên quan theo thời hạn do Chính phủ quy định; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật phục vụ công tác quản lý nhà nước, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;

đ) Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, an ninh và bảo vệ dữ liệu bưu chính;

e) Tạm dừng cung cấp dịch vụ đối với bưu gửi khi có các căn cứ xác định có dấu hiệu vi phạm pháp luật để kiểm tra, xác minh trong thời hạn theo quy định của pháp luật và thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

g) Không được tiết lộ thông tin về sử dụng dịch vụ bưu chính của tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp theo quy định của pháp luật;

h) Không được cung cấp dịch vụ bưu chính vi phạm quy định về phạm vi dịch vụ bưu chính dành riêng;

i) Bảo đảm an toàn bưu gửi trong quá trình cung cấp dịch vụ và thực hiện bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật này và pháp luật về dân sự;

k) Tự kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra chất lượng dịch vụ bưu chính theo quy định;

l) Thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật;

m) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các dữ liệu đã cung cấp;

n) Quản lý, đối soát và hoàn trả tiền thu hộ cho khách hàng đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn theo thỏa thuận;

l) Chịu trách nhiệm cuối cùng đối với người sử dụng dịch vụ về việc cung cấp dịch vụ và thực hiện bồi thường thiệt hại theo hợp đồng cung cấp dịch vụ bưu chính đã ký kết với khách hàng.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính

Ngoài quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 31, doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính có quyền và nghĩa vụ như sau:

1. Quyền của doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính

a) Tổ chức, vận hành và duy trì mạng bưu chính;

b) Thỏa thuận với doanh nghiệp bưu chính khác, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để hợp tác cung cấp một hoặc một số công đoạn của dịch vụ bưu chính;

c) Tổ chức, khai thác và cung cấp quyền sử dụng các thành phần của mạng bưu chính;

d) Tham gia cung cấp dịch vụ bưu chính cho cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;

đ) Chuyển đổi sang doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính;

e) Cho doanh nghiệp bưu chính khác sử dụng mạng bưu chính trên cơ sở thỏa thuận; bảo đảm nguyên tắc công bằng, hợp lý, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp;

g) Được triển khai thành lập kho ngoại quan, địa điểm kiểm tra hải quan tại trung tâm chia chọn theo quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

h) Được sử dụng phương tiện vận tải chuyên ngành đi, đến, đỗ trong đô thị để cung cấp dịch vụ bưu chính theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương;

i) Được Nhà nước tạo điều kiện tiếp cận quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai để đầu tư, xây dựng các trung tâm chia chọn, cơ sở lưu kho, xử lý đơn hàng và các công trình hạ tầng khác phục vụ cung cấp dịch vụ bưu chính.

2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính

a) Duy trì hoạt động liên tục, ổn định mạng bưu chính theo phạm vi cung cấp dịch vụ;

b) Duy trì năng lực mạng bưu chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ;

c) Thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về huy động, điều phối mạng bưu chính trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, tình trạng khẩn cấp và các trường hợp cần thiết khác theo quy định tại Điều 7 Luật này;

d) Xử lý bưu gửi không có người nhận theo quy định tại Điều 23 Luật này;

đ) Giải quyết khiếu nại, tranh chấp, bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Thực hiện dịch vụ thay đổi họ tên, địa chỉ người nhận, rút lại bưu gửi, chuyển tiếp, hoàn trả bưu gửi theo quy định;

g) Bảo đảm khả năng kết nối, liên thông giữa các mạng bưu chính trên cơ sở thỏa thuận thương mại;

h) Thực hiện chia sẻ thông tin cần thiết phục vụ kết nối, khai thác mạng trên cơ sở thỏa thuận thương mại.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính

Ngoài quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 31 của Luật này, doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyền của doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính

a) Thỏa thuận sử dụng một hoặc một số công đoạn của dịch vụ bưu chính với doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính hoặc doanh nghiệp khác có thành phần mạng bưu chính quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật này để cung cấp dịch vụ bưu chính;

b) Chuyển đổi thành doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính.

2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp bưu chính không vận hành mạng bưu chính

a) Bảo đảm cung cấp dịch vụ bưu chính theo đúng cam kết với người sử dụng dịch vụ và quy định của pháp luật;

b) Tuân thủ thỏa thuận với doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính và chịu trách nhiệm về phần dịch vụ do mình thực hiện;

c) Phối hợp với doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính để bảo đảm việc cung cấp dịch vụ liên tục, an toàn;

d) Không làm gián đoạn hoặc ảnh hưởng đến hoạt động của mạng bưu chính trái với thỏa thuận hoặc quy định của pháp luật.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bưu chính được chỉ định

Ngoài quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 31 và Điều 32 của Luật này, doanh nghiệp bưu chính được chỉ định có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyền của doanh nghiệp bưu chính được chỉ định

a) Thuê, ủy thác hoặc hợp đồng với doanh nghiệp bưu chính khác để thực hiện một phần nghĩa vụ cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập theo quy định của pháp luật;

b) Được Nhà nước hỗ trợ chi phí duy trì mạng bưu chính công cộng để cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

c) Được sử dụng mạng bưu chính công cộng trong phạm vi toàn quốc để cung cấp dịch vụ tài chính bưu chính, tiết kiệm bưu điện, dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo quy định của pháp luật về ngân hàng và các sản phẩm, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật liên quan, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ bưu chính công ích;

d) Sản xuất, cung ứng tem Bưu chính Việt Nam.

2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp bưu chính được chỉ định

a) Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định có nghĩa vụ duy trì, vận hành mạng bưu chính công cộng, bảo đảm cung cấp liên tục dịch vụ bưu chính công ích trên phạm vi toàn quốc;

b) Xây dựng, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án giá dịch vụ bưu chính do Nhà nước quy định theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Chia sẻ mạng bưu chính công cộng cho các doanh nghiệp bưu chính khác trên cơ sở thỏa thuận thương mại;

d) Theo dõi riêng hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính công ích và hoạt động kinh doanh dịch vụ bưu chính ngoài phạm vi công ích; không được sử dụng nguồn lực hỗ trợ hoạt động công ích để bù chéo cho hoạt động kinh doanh và bảo đảm cạnh tranh lành mạnh trên thị trường;

đ) Cung cấp thông tin, chịu kiểm toán, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện quản lý chất lượng dịch vụ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn do doanh nghiệp tự công bố;

g) Không được từ chối cung cấp dịch vụ bưu chính phổ cập, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

h) Thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của Nhà nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ bưu chính

1. Quyền của người sử dụng dịch vụ bưu chính

a) Được cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về dịch vụ bưu chính;

b) Được bảo đảm bí mật thông tin về việc sử dụng dịch vụ bưu chính theo quy định của pháp luật;

c) Khiếu nại về việc cung cấp dịch vụ bưu chính theo quy định của pháp luật;

d) Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của người gửi

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin người gửi và người nhận khi sử dụng dịch vụ bưu chính và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp;

b) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về bưu gửi;

c) Chịu trách nhiệm về nội dung bưu gửi và cung cấp giấy tờ liên quan theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến bưu gửi theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, an ninh đối với bưu gửi;

e) Thanh toán đầy đủ giá dịch vụ bưu chính;

g) Thanh toán thù lao, chi phí hợp lý khi doanh nghiệp bưu chính thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu bưu gửi;

h) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra theo quy định của pháp luật;

i) Trường hợp không trực tiếp thực hiện việc gửi bưu gửi mà ủy quyền hoặc giao cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện, người gửi vẫn phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại điểm a khoản này và chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin bưu gửi và các nghĩa vụ liên quan khác theo quy định của pháp luật.

3. Nghĩa vụ của người nhận

a) Nhận bưu gửi theo thỏa thuận hoặc theo thông báo của doanh nghiệp bưu chính, trừ trường hợp từ chối nhận theo quy định của pháp luật;

b) Thanh toán các khoản phải trả liên quan đến bưu gửi (nếu có) theo thỏa thuận;

c) Thông báo cho doanh nghiệp bưu chính hoặc cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện bưu gửi có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Chương V
BƯU CHÍNH SỐ VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN, AN NINH TRONG HOẠT ĐỘNG BƯU CHÍNH

Mục I
BƯU CHÍNH SỐ

Điều 36. Dữ liệu bưu chính và quản lý dữ liệu bưu chính

1. Dữ liệu bưu chính là dữ liệu được tạo lập, thu thập, ghi nhận hoặc xử lý trong quá trình cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính, bao gồm:

a) Thông tin về bưu gửi;

b) Thông tin về người sử dụng dịch vụ bưu chính;

c) Thông tin về quá trình chấp nhận, chia chọn, vận chuyển và phát bưu gửi;

d) Dữ liệu khác phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ bưu chính theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp bưu chính có trách nhiệm:

a) Tạo lập, thu thập và lưu giữ dữ liệu bưu chính phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật, phù hợp với mục đích, phạm vi và quy mô hoạt động;

b) Quản lý, khai thác, chia sẻ, cung cấp và bảo vệ dữ liệu bưu chính theo quy định của pháp luật; bảo đảm phù hợp với mục đích sử dụng và phạm vi hoạt động của doanh nghiệp.

Điều 37. Thu thập và sử dụng dữ liệu bưu chính

1. Doanh nghiệp bưu chính chỉ được thu thập dữ liệu bưu chính phục vụ việc cung cấp dịch vụ bưu chính, quản lý, vận hành và nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, phù hợp với mục đích đã xác định tại thời điểm thu thập và theo quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Dữ liệu bưu chính được sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Cung cấp dịch vụ bưu chính;

b) Giải quyết khiếu nại, bồi thường;

c) Cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính;

d) Cung cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về dữ liệu và pháp luật có liên quan.

3. Việc thu thập và sử dụng dữ liệu bưu chính:

a) Không vượt quá phạm vi và mức độ cần thiết cho mục đích sử dụng;

b) Không được sử dụng dữ liệu trái với mục đích đã xác định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật có liên quan.

Điều 38. Kết nối và cung cấp dữ liệu bưu chính

1. Doanh nghiệp bưu chính thực hiện kết nối hệ thống thông tin theo yêu cầu và phương thức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhằm phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng; việc kết nối phải bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và phù hợp với quy mô hoạt động, điều kiện kỹ thuật của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp bưu chính cung cấp dữ liệu bưu chính theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Dữ liệu bưu chính được cung cấp phải:

a) Phù hợp với mục đích, phạm vi và mức độ cần thiết của yêu cầu;

b) Không vượt quá dữ liệu do doanh nghiệp quản lý;

c) Thực hiện theo phương thức phù hợp, không làm phát sinh chi phí cho doanh nghiệp.

4. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm:

a) Yêu cầu cung cấp dữ liệu đúng thẩm quyền, mục đích và phạm vi cần thiết;

b) Sử dụng dữ liệu đúng mục đích, không vượt quá phạm vi đã yêu cầu;

c) Chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về việc yêu cầu và sử dụng dữ liệu.

Điều 39. Lưu trữ và bảo vệ dữ liệu bưu chính

1. Doanh nghiệp bưu chính lưu trữ dữ liệu bưu chính trong thời hạn theo quy định của Chính phủ và phù hợp với mục đích thu thập dữ liệu.

2. Doanh nghiệp bưu chính có trách nhiệm:

a) Áp dụng biện pháp bảo vệ dữ liệu phù hợp với mức độ rủi ro, loại dữ liệu và quy mô hoạt động theo quy định của pháp luật về dữ liệu và an ninh mạng;

b) Có biện pháp ngăn chặn truy cập trái phép, mất mát, tiết lộ hoặc thay đổi dữ liệu;

c) Thông báo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các chủ thể có liên quan khi xảy ra sự cố làm mất, lộ hoặc thay đổi dữ liệu;

d) Thực hiện các biện pháp khắc phục, hạn chế thiệt hại phát sinh từ sự cố dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Thử nghiệm có kiểm soát trong hoạt động bưu chính

1. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để doanh nghiệp bưu chính nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ, mô hình kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ và phương thức vận hành mới trong hoạt động bưu chính thông qua cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo quy định của pháp luật.

2. Thử nghiệm có kiểm soát trong hoạt động bưu chính được áp dụng đối với:

a) Mô hình cung cấp dịch vụ bưu chính mới;

b) Công nghệ, phương thức khai thác, chia chọn, vận chuyển và phát bưu gửi mới;

c) Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa trong hoạt động bưu chính;

d) Mô hình quản lý, khai thác và kết nối dữ liệu bưu chính;

đ) Các nội dung đổi mới sáng tạo khác liên quan trực tiếp đến hoạt động bưu chính.

3. Thử nghiệm có kiểm soát trong hoạt động bưu chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quy định của Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục II
BẢO ĐẢM AN TOÀN, AN NINH TRONG HOẠT ĐỘNG BƯU CHÍNH

Điều 41. Định danh và truy vết bưu gửi

1. Định danh bưu gửi là việc gắn cho mỗi bưu gửi một mã nhận dạng duy nhất trong phạm vi hệ thống của doanh nghiệp bưu chính, do doanh nghiệp bưu chính tạo lập kể từ thời điểm chấp nhận bưu gửi và được duy trì liên tục, không bị gián đoạn trong suốt quá trình cung cấp dịch vụ.

2. Mã định danh bưu gửi được sử dụng để theo dõi, quản lý và truy vết bưu gửi trong toàn bộ quá trình chấp nhận, chia chọn, vận chuyển và phát bưu gửi, đồng thời phục vụ quản lý, sử dụng dữ liệu bưu chính theo quy định của pháp luật.

3. Việc định danh bưu gửi không bao gồm bưu gửi được gửi tại thùng thư công cộng, bưu thiếp, báo và tạp chí.

Điều 42. Bảo đảm an toàn trong cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính

1. Bưu gửi của tổ chức, cá nhân được bảo đảm an toàn từ thời điểm chấp nhận đến khi phát, bao gồm việc không bị mất, thất lạc, hư hỏng hoặc xâm phạm trái pháp luật, phù hợp với thỏa thuận cung cấp dịch vụ và không trái quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp bưu chính và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động bưu chính có trách nhiệm, trong phạm vi tham gia của mình, bảo đảm an toàn đối với con người, bưu gửi và mạng bưu chính trong quá trình cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Bảo đảm an ninh trong cung cấp dịch vụ bưu chính

1. Doanh nghiệp bưu chính có trách nhiệm áp dụng biện pháp phù hợp với mức độ rủi ro và quy mô hoạt động nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh trong hoạt động bưu chính theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được yêu cầu tạm dừng cung cấp dịch vụ, kiểm tra, xử lý bưu gửi là gói, kiện hàng hóa hoặc yêu cầu cung cấp thông tin về việc sử dụng dịch vụ bưu chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Việc yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện bằng văn bản, nêu rõ căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền, phù hợp với mục đích, phạm vi cần thiết và không làm gián đoạn hoạt động bình thường của dịch vụ bưu chính.

4. Tổ chức, cá nhân không được lợi dụng việc kiểm tra, xử lý bưu gửi hoặc yêu cầu cung cấp thông tin để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

5. Doanh nghiệp bưu chính có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Điều 44. Quản lý bưu gửi theo mức độ rủi ro và thông tin người gửi

1. Doanh nghiệp bưu chính thu thập, lưu trữ đầy đủ, chính xác thông tin người gửi theo quy định của pháp luật về dữ liệu, phù hợp với thỏa thuận cung cấp dịch vụ và không trái quy định của pháp luật, bảo đảm có thông tin liên hệ hợp lệ để nhận diện và liên hệ với người gửi nhằm phục vụ cung cấp dịch vụ và truy vết bưu gửi. Việc thu thập thông tin người gửi không áp dụng với bưu gửi gửi tại thùng thư công cộng và bưu thiếp.

2. Bưu gửi được phân loại theo mức độ rủi ro trong quá trình cung cấp dịch vụ trên cơ sở một hoặc một số tiêu chí sau:

a) Thông tin về người gửi;

b) Đặc điểm của bưu gửi;

c) Hành trình vận chuyển;

d) Dấu hiệu bất thường liên quan đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội trong quá trình cung cấp dịch vụ.

3. Căn cứ mức độ rủi ro, doanh nghiệp bưu chính áp dụng một hoặc một số biện pháp sau:

a) Kiểm tra, đối chiếu thông tin người gửi;

b) Yêu cầu cung cấp, xác minh bổ sung thông tin người gửi khi có căn cứ theo mức độ rủi ro và theo quy định của pháp luật về dữ liệu;

c) Tăng cường theo dõi, kiểm soát trong quá trình cung cấp dịch vụ;

d) Thông báo cho cơ quan chức năng có thẩm quyền.

4. Việc thu thập thông tin và áp dụng biện pháp kiểm soát phải bảo đảm:

a) Phù hợp với mức độ rủi ro;

b) Không vượt quá phạm vi cần thiết cho mục đích cung cấp dịch vụ và bảo đảm an ninh;

c) Không làm phát sinh nghĩa vụ hoặc chi phí không cần thiết;

d) Tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

5. Thời hạn lưu trữ dữ liệu định danh, truy vết tối thiểu là 01 năm kể từ ngày phát bưu gửi thành công

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2, khoản 3 Điều này.

Chương VI
THANH TRA, KIỂM TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TRANH CHẤP TRONG HOẠT ĐỘNG BƯU CHÍNH

Điều 45. Thanh tra, kiểm tra hoạt động bưu chính

Thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực bưu chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và pháp luật về bưu chính.

Điều 46. Giải quyết khiếu nại, tranh chấp trong hoạt động bưu chính

1. Người sử dụng dịch vụ có quyền khiếu nại, kiến nghị, phản ánh về chất lượng dịch vụ, giá và việc bưu gửi bị mất, hư hỏng hoặc chậm trễ so với thời gian toàn trình đã công bố. Khiếu nại, kiến nghị, phản ánh được thực hiện theo pháp luật về bưu chính và các quy định pháp luật liên quan.

2. Tranh chấp bưu chính được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải hoặc tòa án.

3. Chính phủ quy định chi tiết về giải quyết khiếu nại trong hoạt động bưu chính.

Điều 47. Bồi thường thiệt hại trong hoạt động bưu chính

1. Việc bồi thường thiệt hại trong trường hợp bưu gửi bị mất, hư hỏng hoặc bị tráo đổi toàn bộ được xác định theo mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại toàn bộ đối với dịch vụ đó.

2. Việc bồi thường thiệt hại trong trường hợp bưu gửi bị mất, hư hỏng hoặc tráo đổi một phần được xác định trên cơ sở thiệt hại thực tế, nhưng không cao hơn mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại toàn bộ đối với dịch vụ đó, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

3. Không bồi thường thiệt hại gián tiếp hoặc nguồn lợi không thu được do việc cung cấp dịch vụ bưu chính không bảo đảm chất lượng dịch vụ bưu chính mà doanh nghiệp đã công bố.

4. Mức bồi thường thiệt hại do doanh nghiệp bưu chính công bố và áp dụng, nhưng không được thấp hơn mức bồi thường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

5. Chính phủ quy định chi tiết mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp bưu chính và người sử dụng dịch vụ bưu chính.

Chương VII
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BƯU CHÍNH

Điều 48. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bưu chính trong phạm vi cả nước.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bưu chính ở trung ương có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật về bưu chính;

b) Quản lý, điều tiết thị trường bưu chính; quản lý kinh doanh dịch vụ bưu chính và nghiệp vụ bưu chính;

c) Quy định theo thẩm quyền và hướng dẫn hoạt động của mạng bưu chính công cộng và mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước;

d) Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính được chỉ định để duy trì mạng bưu chính công cộng và cung cấp vụ bưu chính công ích theo quy định của Nhà nước;

đ) Phối hợp trong công tác quản lý cạnh tranh trong lĩnh vực bưu chính và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ bưu chính theo quy định của pháp luật về cạnh tranh;

e) Tổ chức công tác báo cáo thống kê; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về bưu chính; bảo đảm dữ liệu được khai thác, chia sẻ phục vụ quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ bưu chính theo quy định của pháp luật;

g) Tổ chức nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tiên tiến về bưu chính; phổ biến, giáo dục pháp luật về bưu chính; đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực trong hoạt động bưu chính;

h) Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội đối với hoạt động bưu chính;

i) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức xác nhận khối lượng công việc và thanh toán kịp thời chi phí cho doanh nghiệp bưu chính được huy động theo quy định tại Điều 7 Luật này;

k) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định doanh nghiệp bưu chính được chỉ định;

l) Đầu mối hợp tác quốc tế về hoạt động bưu chính;

m) Tổ chức thông tin, truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về bưu chính;

n) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bưu chính.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bưu chính ở trung ương quản lý hoạt động bưu chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 49. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động bưu chính trên địa bàn và theo phân cấp của Chính phủ.

2. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bưu chính.

3. Tổ chức lập phương án phát triển bưu chính trong quy hoạch tỉnh; phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển bưu chính trên địa bàn theo chiến lược, kế hoạch, quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quản lý, điều tiết thị trường bưu chính; quản lý kinh doanh dịch vụ bưu chính và nghiệp vụ bưu chính theo thẩm quyền.

5. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bưu chính.

6. Tổ chức công tác báo cáo thống kê; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về bưu chính theo thẩm quyền.

7. Tổ chức nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tiên tiến về bưu chính; phổ biến, giáo dục pháp luật về bưu chính; đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực trong hoạt động bưu chính.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, các doanh nghiệp đã được cấp giấy phép bưu chính hoặc văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính theo quy định của pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực có trách nhiệm bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh quy định tại Điều 13 của Luật này.

2. Doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí doanh nghiệp bưu chính vận hành mạng bưu chính theo quy định tại Điều 11 của Luật này phải thực hiện đăng ký theo quy định tại Điều 14 của Luật này trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 51. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2027.

2. Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 52. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày ... tháng 10 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn